TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH THANH HÓA	

Bản án số: 56/2020/HSST
Ngày: 26/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thúy

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Huyền -Thư ký, TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2020/TLST-HS ngày 10/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 09/10/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh năm 1991.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa¸: Lớp 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C - SN 1960; và bà: Hoàng Thị T - SN 1962; Vợ; Trần Thị C –SN 1992. Có 01 con SN 2012. Tiền án:

- Ngày 21/3/2018, bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (ngày 02/2/2019 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 21/5/2018 nộp án phí hình sự sơ thẩm).

Nhân thân: Năm 2013, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm 05-06 Thanh Hóa.

Tạm giữ từ ngày 30/5/2020. Tạm giam từ ngày 02/6/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1.Chị Lê Thị Thanh T - SN 1999 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2.Cháu Trần Văn D - Sinh ngày 10/8/2006 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị H - SN 1972 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Trần Văn T - SN 1970 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

4. Cháu Trần Thị M - Sinh ngày 11/12/2005 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T - SN 1974 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
5. Chị Nguyễn Thị P, anh Đinh Văn Đ
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa..
(Có mặt chị P, vắng mặt anh Đ).
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Hoàng Thị H - SN 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 395 đường L, phường Đ, TP.Thanh Hóa.
2. Công ty tài chính T
Địa chỉ: Số 44 đường N, phường B, TP.S, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Thành L - SN 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 06A/29 đường T, phường Đ, TP.Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên khoảng 02h30 phút ngày 25/5/2020, Nguyễn Văn T đi bộ một mình từ nhà đến thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tìm nhà nào sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi qua nhà chị Lê Thị Thanh T, thấy nhà đã tắt điện đi ngủ, cửa nhà không đóng, cửa ngõ không khóa mà chỉ buộc bằng dây cước. Quan sát thấy không có người qua lại, T mở cửa cổng đi thẳng vào phòng ngủ phía Tây của ngôi nhà thì thấy cháu Trần Văn D, cháu Trần Thị M và cháu Đào Thị U (là em chồng và em bên chồng của chị T) đang ngủ. Qua ánh đèn ngủ, T nhìn thấy dưới nền nhà phía đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo S9 màu đồng của cháu M và 01 điện thoại di động Realme C3 màu đen của cháu D đang sạc pin. T rút dây sạc lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó T đi ra phòng khách thì thấy ông Trần Văn T (bố chồng chị T) đang nằm ngủ trên võng đặt ở giữa cửa ra vào phòng khách. T tìm xung quanh phát hiện thấy 01 chiếc điện thoại di động bàn phím trần nhãn hiệu NOKIA105 màu xanh của ông T để trên tủ thờ trong phòng khách; T lấy chiếc điện thoại NOKIA 105 bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi vào phòng ngủ của chị T ở phía Đông. Lúc này chị T và 02 con nhỏ đang ngủ, T nhìn thấy trên nóc quạt hơi nước để ở đuôi giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15 màu xanh đang sạc pin và 01 chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, trên giường để chiếc điện thoại di động Oppo A1K màu đỏ. T lấy 02 chiếc điện thoại trên cho vào túi quần rồi cầm chìa khóa xe mô tô đi ra sân mở khóa xe rồi dắt xe mô tô BKS 36B1-546.37 của chị T ra đường nổ máy và điều khiển xe đi lên thành phố Thanh Hóa chờ trời sáng tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 6h30 phút cùng ngày T đến cửa hàng di động H 395 đường L, Phường Đ, TP.Thanh Hóa, T đưa 5 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho chị Hoàng Thị H (chủ cửa hàng) kiểm tra và nói: Có mấy chiếc điện thoại chị có mua không. Sau khi kiểm tra từng chiếc điện thoại, chị H

nói: 04 chiếc điện thoại cảm ứng được 2.500.000đ, còn chiếc điện thoại NOKIA bị vỡ màn hình được 30.000đ có bán thì bán. T đồng ý bán 04 chiếc điện thoại di động cảm ứng gồm: 01 chiếc Vivo S9; 01 chiếc Realme C30; 01 chiếc Vivo Y15 và 01 chiếc Oppo A1K với giá 2.500.000đ, chiếc Nokia thấy giá rẻ nên T không bán. Còn chiếc xe mô tô BKS 36B1-546.37 do không có giấy tờ xe nên không bán được, T để sử dụng làm phương tiện đi lại, số tiền bán điện thoại T mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của chị Lê Thị Thanh T tại thời điểm bị mất trộm chiếc xe mô tô BKS36B1-546.37 có giá khoảng 4.000.000đ, chiếc điện thoại Oppo A1K có giá khoảng 2.500.000đ, chiếc điện thoại Vivo Y15 có giá khoảng 3.000.000đ, chiếc điện thoại Vivo S9 của cháu M có giá khoảng 2.000.000đ, chiếc điện thoại Realme C3 của cháu D có giá khoảng 1.500.000đ, chiếc điện thoại Nokia bàn phím trần 105 của ông T có giá khoảng 100.000đ. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 13.100.000đ.

Ngày 01/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương đã định gía và kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 36B1-546.37 giá trị là 3.500.000đ ; Chiếc điện thoại Oppo A1K trị giá 2.500.000đ, chiếc điện thoại Vivo Y15 trị giá 3.000.000đ, chiếc điện thoại Vivo S9 trị giá 2.000.000đ, chiếc điện thoại Realme C3 trị giá 1.500.000đ, chiếc điện thoại Nokia bàn phím trần trị giá 150.000đ. Tổng cộng là 12.650.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 02h30 phút ngày 26/5/2020, T đi bộ một mình đến khu vực thôn H, xã Q, huyện Q để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà chị gái T là Nguyễn Thị P, chồng là Đinh Văn Đ thấy nhà không có cửa ngõ, cửa trước đóng và chốt bên trong, ngoài sân dựng 01 xe mô tô BKS 36B2-680.95 màu trắng đỏ, cửa hông nhà đang xây nối với nhà cũ không có cửa nên T đi vào nhà anh Đ, chị P qua cửa hông bên phải vào phòng khách. Lúc này anh Đ đang ngủ dưới nền nhà, T nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động Samsung A7 màu đen và 01 chiếc chìa khóa xe mô tô của anh Đ đang để trên kệ ti vi, T lấy chiếc điện thoại và chìa khóa xe máy bỏ vào túi quần, sau đó tiếp tục đi vào phòng ngủ của chị P, chị P đang ngủ, T thấy chiếc điện thoại di động Nokia 105 bàn phím trần màu xanh của chị P để trên tủ thờ liền lấy bỏ vào túi quần. Sau đó T đi qua lối cũ ra ngoài sân dùng chìa khóa mở khóa, bật cốp xe kiểm tra lấy giấy đăng ký xe mang tên anh Đinh Văn Đ, còn các giấy tờ cá nhân và túi xách của chị P, anh Đ, T vứt xuống sân rồi dắt xe ra ngoài đường nổ máy điều khiển xe mô tô BKS 36B2-680.95 màu trắng đỏ đến cầu vượt phường Đ, TP.Thanh Hóa để trốn và chờ trời sáng tìm nơi tiêu thụ tài sản. Trên đường đi T làm rơi mất chiếc điện thoại Nokia 105 bàn phím trần màu xanh. Đến khoảng 6h30 phút cùng ngày T tiếp tục đến cửa hàng điện thoại H bán chiếc điện thoại Sam sung A7 cho chị Hoàng Thị H với giá 800.000đ. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến chi nhánh của công ty tài chính T 259 đường L, phường Đ, TP.Thanh Hóa và nói với anh Lê Thành L là nhân viên của công ty Tài chính T là: Ông anh rể, bà chị gái em có việc cần tiền nhờ em đi cầm chiếc xe. Anh L yêu cầu T xuất trình giấy đăng ký xe và căn cước công dân. T đưa đăng ký xe và căn cước công dân của mình cho anh L và cầm cố chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 với giá 7.000.000đ và hẹn 01 tháng sau quay lại chuộc xe. Anh L đồng ý cho T cầm cố

chiếc xe mô tô trên. Số tiền cầm cố xe T mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của anh Đinh Văn Đ tại thời điểm bị mất trộm chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 có giá khoảng 20.000.000đ, chiếc điện thoại Samsung A7 có giá khoảng 4.000.000đ, chiếc điện thoại Nokia có giá khoảng 200.000đ. Tổng tài sản bị mất trộm trị giá 24.200.000đ.

Ngày 01/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương định giá và kết luận: Xe mô tô BKS 36B2-680.95 trị giá 16.000.000đ, chiếc điện thoại Samsung A7 trị giá 4.500.000đ, chiếc điện thoại Nokia 105 trị giá 200.000đ. Tổng tài sản anh Đ, chị P bị mất trộm là 20.700.000đ.

Sau khi trộm cắp tài sản, nhận thức thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 30/5/2020, T đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 30/5/2020 T đến thú tội và giao nộp chiếc xe mô tô BKS 36B1-546.37, chiếc điện thoại Nokia 105 trộm cắp nhà chị T. Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 và chiếc điện thoại Vivo Y15 ; Còn chiếc điện thoại Vivo S9, chiếc điện thoại Realme C3, chiếc điện thoại Oppo A1K T trộm cắp của gia đình chị T ngày 25/5/2020 và chiếc điện thoại Samsung A7, chiếc điện thoại Nokia 105 T trộm cắp của gia đình anh Đ, chị P ngày 26/5/2020 không thu hồi được.

Ngày 15/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 và giấy đăng ký xe cho cho anh Đinh Văn Đ, anh Đ đã nhận lại xe và đăng ký xe. Đối với chiếc điện thoại Samsung A7 và chiếc điện thoại Nokia 105 anh Đ, chị P không yêu cầu T phải bồi thường. Ngày 13/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô BKS 36B1-546.37, chiếc điện thoại Vivo Y15 và chiếc Nokia cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Thanh T (chiếc điện thoại Nokia chị T nhận thay cho ông T).

Ngày 26/5/2020, khi đến chi nhánh của công ty tài chính T cở sở 259 đường L, phường Đ, TP.Thanh Hóa cầm cố chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 cho anh Lê Thành L, T đã sử dụng căn cước công dân của mình để làm tin cầm cố chiếc xe. Quá trình thu giữ tang vật, anh L đã giao nộp chiếc xe mô tô cùng số giấy tờ nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Về dân sự: Đối với số tài sản Nguyễn Văn T trộm cắp tại gia đình chị T ngày 25/5/2020 không thu hồi được, chị T, cháu M và cháu D đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại chiếc Oppo A1K trị giá 2.500.000đ, chiếc Vivo S9 trị giá 2.000.000đ và chiếc Realme C3 trị giá 1.500.000đ. Đại diện theo ủy quyền của công ty tài chính T yêu cầu T phải bồi thường lại số tiền 7.000.000đ; chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền 1.700.000đ (tiền mua chiếc điện thoại Vivo Y15).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T một mực khai ngày 25/5/2020 T bán cho chị Hoàng Thị H 04 điện thoại di động gồm: 01 chiếc Vivo S9, 01 chiếc Realme C3, 01 chiếc Vivo Y15 và 01 chiếc Oppo A1K với giá 2.500.000đ. Ngày 26/5/2020 T bán 01 chiếc điện thoại di động Samsung A7 cho chị H với giá 800.000đ. Tuy

nhiên chị H thừa nhận chỉ mua duy nhất chiếc điện Thoại Vivo Y15 với giá 1.700.000đ; do đó Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo T với chị H. Kết quả đối chất T vẫn một mực bảo vệ quan điểm nêu trên của mình, còn chị H vẫn một mực khai nhận chỉ mua duy nhất 01 chiếc điện thoại Vivo Y15 với giá 1.700.000đ.

Đối với hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 36B2-680.95 của anh Lê Thành L thuộc công ty tài chính T và hành vi mua chiếc điện thoại Vivo Y15 của chị Hoàng Thị H. Qua xác minh anh L và chị H đều không biết số tài sản trên là do bị cáo T trộm cắp mà có; do đó không có căn cứ để xử lý chị H và anh L về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-QX ngày 09/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Bồi thường dân sự: Bị hại ông T đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì; Anh Đ, chị P đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 36B2-680.95, 01 Đăng ký xe mô tô, còn lại 01 điện thoại Samsung A7 màu xanh, 01 điện thoại Nokia 105 bàn phím màu xanh anh Đ, chị P không yêu cầu giải quyết; Chị T đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 36B1-546.37,01 điện thoại di động Vivo Y15 và không yêu cầu gì, đề nghị HĐXX không xét. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị T 01 điện thoại Oppo A1K màu đỏ trị giá 2.500.000đ, bồi thường cho cháu M 01 điện thoại di động Vivo S9 màu đồng trị giá 2.000.000đ, bồi thường cho cháu D 01 điện thoại di động Realme C3 màu đen giá trị 1.500.000đ theo quy định tại Điều 48 BLHS. Điều 589 BLDS.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H không yêu cầu gì về phần dân sự nên đề nghị không xem xét. Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty tài chính T số tiền là 7.000.000đ. *Xử lý vật chứng*: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T theo Điều 106 BLTTHS.về án phí; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, người bị hại chị P không yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên từ ngày 25/5 đến ngày 26/5/2020, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản tại gia đình chị Lê Thị Thanh T gồm: 01 xe mô tô BKS 36B1-546.37, 01 điện thoại Oppo A1K màu đỏ, 01 điện thoại di động Vivo Y15 màu xanh; 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu xanh của ông T (bố chồng chị T); 01 điện thoại di động Realme C3 màu đen của cháu D; 01 điện thoại di động Vivo S9 màu đồng của cháu M. Công giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của gia đình chị T là 12.650.000đ.

Trộm cắp của gia đình anh Đinh Văn Đ, chị Nguyễn Thị P gồm: 01 xe mô tô BKS 36B2-680.95, 01 điện thoai Samsung A7 màu xanh, 01 điện thoại Nokia bàn phím 105 màu xanh; Cộng giá trị tài sản bị cáo của gia đình anh Đ, chị P là 20.700.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp ngày 25/5 và ngày 26/5/2020 là 33.350.000đ.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[4] Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chị T, ông T, cháu D, cháu M và gia đình anh Đ, chị P một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn trong khu vực. Bị cáo mới ra tù không chịu khó tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho cá nhân; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

{5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo phạm tội nhiều lần, mới ra tù chưa được xóa án tích lại phạm tội mới do cố ý nên áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Bồi thường dân sự*: Bị hại ông T đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì; anh Đ, chị P đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 36B2-680.95, 01 Đăng ký xe mô tô; còn 01 điện thoại Samsung A7 màu xanh, 01 điện thoại Nokia 105 bàn phím màu xanh anh Đ, chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Chị T đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 36B1-546.37, 01 điện thoại di động Vivo Y15.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị T 01 điện thoại Oppo A1K trị giá 2.500.000đ, bồi thường cho cháu M 01 điện thoại di động Vivo S9 g trị giá 2.000.000đ, bồi thường cho cháu D 01 điện thoại di động Realme C3 trị giá 1.500.000đ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H không yêu cầu gì về phần dân sự nên HĐXX không xem xét. Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty tài chính T số tiền là 7.000.000đ.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T theo Điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[8] *Án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

***Tuyên bố*:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- *Xử phạt*: Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/5/2020.

- *Bồi thường dân sự*: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 BLHS. Khoản 1 Điều 589 BLDS.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị T 01 điện thoại di động Oppo A1K trị giá 2.500.000đ, bồi thường cho cháu M 01 điện thoại di động Vivo S9 trị giá 2.000.000đ, bồi thường cho cháu D 01 điện thoại di động Realme C3 trị giá 1.500.000đ.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua công ty tài chính T số tiền là 7.000.000đ.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- *Án phí:* Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại ông T, chị T, anh Đ, người đại diện hợp pháp cho cháu M, cháu D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, công ty tài chính T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
-VKSND H.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ. /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Lý